

CHỈ SỐ CÔNG TỜ VÀ SỐ ĐIỆN SỬ DỤNG KTX K1

Tháng 9/2015

STT	Số phòng	Số SV ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (1.786*10%)	Thành tiền	Ghi chú
1	101	Phòng trực Y tế	3.680	3.726				
2	102	8	4.349	4.533	184	1.965	361.486	
3	103	8	5.687	5.734	47	1.965	92.336	
4	104	8	4.198	4.313	115	1.965	225.929	
5	105	8	4.317	4.434	117	1.965	229.858	
6	106	8	3.790	3.877	87	1.965	170.920	
7	107	PSHC	1.681	1.701			0	
8	108		1.686	1.728			0	
9	109	7	2.170	2.236	66	1.965	129.664	
10	110	8	2.916	3.043	127	1.965	249.504	
11	111	8	2.626	2.725	99	1.965	194.495	
12	112	8	4.553	4.600	47	1.965	92.336	
13	113	8	3.577	3.598	21	1.965	41.257	
14	114	8	4.292	4.330	38	1.965	74.655	
15	201	8	2.529	2.639	110	1.965	216.106	
16	202	4	4.925	4.990	65	1.965	127.699	
17	203	8	3.595	3.743	148	1.965	290.761	
18	204	6	6.730	6.855	125	1.965	245.575	
19	205	8	4.962	5.064	102	1.965	200.389	
20	206	8	4.893	5.004	111	1.965	218.071	
21	207	5	2.910	3.013	103	1.965	202.354	
22	208	8	5.213	5.272	59	1.965	115.911	
23	209	8	5.032	5.092	60	1.965	117.876	
24	210	8	5.435	5.549	114	1.965	223.964	
25	211	8	4.963	4.998	35	1.965	68.761	
26	212	8	6.184	6.204	20	1.965	39.292	
27	213	8	6.038	6.109	71	1.965	139.487	
28	214	8	5.671	5.708	37	1.965	72.690	
29	301	1 SV ăn độ	4.424	4.739	315	1.965	618.849	
30	302	8	5.908	5.968	60	1.965	117.876	
31	303	7	5.462	5.577	115	1.965	225.929	
32	304	8	4.674	4.727	53	1.965	104.124	
33	305	8	5.499	5.659	160	1.965	314.336	
34	306	7	4.577	4.722	145	1.965	284.867	
35	307	PSHC	790	819		1.965	0	
36	308		621	637		1.965	0	
37	309	8	4.762	4.888	126	1.965	247.540	

38	310	8		6.110	6.183	73	1.965	143.416	
39	311	8		3.477	3.516	39	1.965	76.619	
40	312	8		4.493	4.549	56	1.965	110.018	
41	313	8		5.198	5.257	59	1.965	115.911	
42	314	8		5.867	5.897	30	1.965	58.938	
43	401	8		3.381	3.520	139	1.965	273.079	
44	402	8		4.004	4.147	143	1.965	280.938	
45	403	8		3.055	3.141	86	1.965	168.956	
46	404	8		3.209	3.295	86	1.965	168.956	
47	405	2		4.287	4.372	85	1.965	166.991	
48	406	8		6.330	6.410	80	1.965	157.168	
49	407	8		5.673	5.765	92	1.965	180.743	
50	408	8		3.751	3.867	116	1.965	227.894	
51	409	7		5.219	5.375	156	1.965	306.478	
52	410	8		3.262	3.408	146	1.965	286.832	
53	411	8		4.597	4.638	41	1.965	80.549	
54	412	8		5.890	5.921	31	1.965	60.903	
55	413	8		3.663	3.719	56	1.965	110.018	
56	414	8		4.588	4.625	37	1.965	72.690	
57	501	7		2.512	2.604	92	1.965	180.743	
58	502	8		4.473	4.515	42	1.965	82.513	
59	503	8		1.886	1.922	36	1.965	70.726	
60	504	8		2.722	2.899	177	1.965	347.734	
61	505	8		2.929	3.081	152	1.965	298.619	
62	506	1	SVNN TT	4.045	4.130	85	1.965	166.991	
63	507	1	CPC	2.580	2.823	243	1.965	477.398	
64	508	1	SVNN TT	7.524	8.025	501	1.965	984.265	
65	509	1	SVNN TT	4.606	4.727	121	1.965	237.717	
66	510	8		3.526	3.639	113	1.965	222.000	
67	511	8		6.172	6.224	52	1.965	102.159	
68	512	8		3.196	3.237	41	1.965	80.549	
69	513	8		3.007	3.061	54	1.965	106.088	
70	514	8		4.634	4.682	48	1.965	94.301	
	Cộng	465				6.390		12.553.794	

(Bảng chữ: Mười hai triệu năm trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi tư đồng)

Trong đó: - Nhà trường hỗ trợ cho sinh viên nước ngoài thực tập là 500.000 đ/phòng

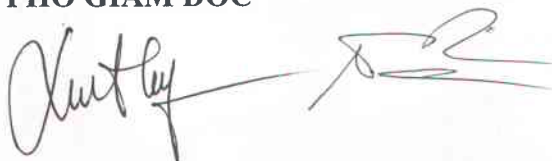
- Số tiền phải nộp là: 11.386.803 đồng

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KTX

NGƯỜI ĐỌC SỐ NGƯỜI LẬP



ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Đào Việt Hòa

Trần Thị Hà